

Tiểu luận kinh tế chính trị

**QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI
TÍNH CHẤT VÀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA
LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT**

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ IX chúng ta bước vào thời kỳ phát triển mới thời kỳ “đẩy nhanh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước ” định hướng phát triển nhằm mục tiêu “xây dựng nước ta thành một nước có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh xã hội công bằng văn minh”. Không phải ngẫu nhiên việc nghiên cứu quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là một trong những nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang tiến hành hôm nay. Việc thực hiện mô hình này trong thực tế không những là nội dung của công cuộc đổi mới, mà hơn thế nữa nó là công cụ, là phương tiện để nước ta đi tới mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở nước ta một phần phụ thuộc vào việc xây dựng này tốt hay không. Một xã hội phát triển được đánh giá từ trình độ của lực lượng sản xuất và sự kết hợp hài hoà giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất thời đại ngày nay trình độ khoa học kỹ thuật đã phát triển mạnh mẽ song quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất của lực lượng sản xuất vẫn là cơ sở chính cho sự phát triển của nó. Do vậy vấn đề quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất vẫn là một trong những vấn đề nan giải mà chúng ta cần phải quan tâm và giải quyết.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử đã khẳng định rằng lực lượng sản xuất có vai trò quyết định đối với quan hệ sản xuất và ngược lại, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Vấn đề này từng là bài học đắt giá trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sự tác động trở lại của các yếu tố của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất khá phong phú và phức tạp, nhất là trong những điều kiện cụ thể ở nước ta hiện nay.

Vấn đề quan hệ sản xuất có tác động thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất đã được Đảng ta nhận thức và vận dụng đúng đắn trong

quá trình lãnh đạo đất nước theo đường lối đổi mới. Đảng ta đã khẳng định rằng: lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất “Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.”. Quan hệ sở hữu được hiểu là “hình thức chiếm hữu của cải vật chất do lịch sử quy định, trong đó thể hiện quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất xã hội”. Sở hữu tư liệu sản xuất giữ vai trò quyết định đối với mọi hình thức khác của quan hệ sản xuất, do vậy, khi hình thức của quan hệ sở hữu thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi trong mọi hình thức khác của quan hệ sản xuất. Về nguyên tắc, những thay đổi của quan hệ sản xuất nói chung là nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, do lực lượng sản xuất đã phát triển đòi hỏi nó phải thay đổi cho phù hợp.

Chúng ta đã từng phạm sai lầm là xây dựng nhiều yếu tố của quan hệ sản xuất vượt trước so với lực lượng sản xuất mà chúng ta hiện có. Đó là việc chỉ cho phép các hình thức sở hữu Nhà nước và sở hữu tập thể tồn tại, trong khi các hình thức sở hữu khác đang còn có tác dụng mạnh mẽ đối với lực lượng sản xuất thì lại bị ngăn cấm, không được phép phát triển. việc đó đã dẫn đến tình trạng sản xuất bị đình đốn, không phát triển. Sau khi nhận thức được sai lầm này, chúng ta đã đổi mới đường lối chiến lược trong lĩnh vực kinh tế, đó là xác lập lại các hình thức sở hữu, cho phép nhiều kiểu quan hệ sản xuất cùng tồn tại để mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

B. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHO VIỆC PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT.

1. Lực lượng sản xuất.

Thực tiễn cho thấy, sự phát triển kinh tế – xã hội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhiều điều kiện nhưng chủ yếu nhất vẫn là phụ thuộc vào con người. Điều khẳng định trên lại càng đúng với hoàn cảnh nước ta trong gian đoạn đầy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do vậy, hơn bất cứ nguồn lực nào khác, nguồn nhân lực phải chiếm vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội nước ta. Nhận thức rõ điều đó Đảng ta xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội bền vững. Đây là nguồn lực của mọi nguồn lực, nhân tố quan trọng bậc nhất để đưa nước ta nhanh chóng trở thành một nước công nghiệp phát triển. trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng ta “lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững”, coi việc “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá” (Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII). Do vậy, khai thác, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực là vấn đề quan trọng góp phần thực hiện thành công quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Trình độ lực lượng sản xuất thể hiện trình độ trình phục thiên nhiên của con người trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Lực lượng sản xuất là sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất.

Người lao động với những kinh nghiệm sản xuất, thói quen lao động, sử dụng tư liệu sản xuất để tạo ra của cải vật chất. Tư liệu sản xuất gồm đối tượng

lao động và tư liệu lao động khác cần thiết cho việc chuyển, bảo quản sản phẩm
....

Trong thời đại ngày nay, khoa khọc đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nó vừa là ngành sản xuất riêng. Vừa xâm nhập vào yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, đem lại sự thay đổi về chất của lực lượng sản xuất. Các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất tác động lẫn nhau một cách khách quan, làm cho lực lượng sản xuất trở thành yếu tố động nhất.

Sự tác động của cách mạng khoa khọc và công nghệ cùng với đòi hỏi tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững đang đặt ra những yêu cầu mới cho việc khai thác và phát huy tiềm năng của con người. Quá trình tìm kiếm những cách thức, giải pháp nhằm sử dụng và phát triển nguồn lực quan trọng này đang diễn ra ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Do đặc điểm kinh tế – xã hội khác nhau nên mỗi nước đều có giải pháp và bước đi khác nhau trong từng thời điểm lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, gắn với những tác động của cuộc cách mạng khoa khọc và công nghệ, xu hướng phổ biến của sự phát triển nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đều mang những nét chủ yếu sau:

Thứ nhất, con người được coi là nguồn cơ bản để tăng trưởng và phát triển kinh tế – xã hội. Trong bất cứ hình thái kinh tế nào, con người đều là nhân tố trung tâm của quá trình sản xuất.

Thứ hai, khai thác tiềm năng trí tuệ, phát huy năng lực sáng tạo trở thành yêu cầu chủ yếu của chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

Cuộc cách mạng khoa khọc và công nghệ hiện nay đã tác động và làm biến đổi mạnh mẽ lao động xã hội theo hướng tăng tỷ trọng của lao động trí tuệ, giảm bớt các hoạt động chân tay, làm cho lao động trí tuệ trở thành hoạt động cơ bản của con người. Việc ứng dụng ngày càng rộng rãi trí thức vào sản xuất và tổ chức lao động đã làm cho trí thức nhanh chóng trở thành yếu tố sản xuất quan trọng nhất, thành nguồn lực kinh tế cơ bản và chủ yếu. Vai trò của các yếu tố sản xuất truyền thống như đất đai, tài nguyên thiên nhiên, vốn.... dần không mất đi song đã trở thành thứ yếu. Các nghiên cứu trắc lượng gần đây cho thấy chỉ một

phần nhỏ của sự tăng trưởng có thể giải thích bởi đầu vào vốn, còn phần quan trọng của tăng trưởng gắn liền với chất lượng của lực lượng lao động.

Thứ ba, ưu tiên đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yêu cầu cơ bản của chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

Để khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng con người, cần có nguồn nhân lực chất lượng cao trên các mặt văn hoá xã hội, chuyên môn, nghiệp vụ và tri thức khoa học... trong tất cả các chính sách, biện pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì giáo dục đào tạo là cái có ý nghĩa quan trọng hơn cả. Bởi lẽ, một mặt, giáo dục đào tạo góp phần nâng cao trình độ nhận thức chung cho con người trên các mặt văn hoá xã hội, tri thức khoa học, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.. Mặt khác, sau khi được đào tạo, quan niệm về giá trị của người lao động sẽ được đổi mới, tính kỷ luật, ý thức trách nhiệm ở họ được nâng cao. Với ý nghĩa đó, giáo dục đào tạo được coi là tiền đề và là cơ sở chủ yếu để nâng cao hiệu quả sử dụng và phát triển nguồn nhân lực.

Thứ tư, chuyển hướng từ sử dụng đại trà sang tổ chức quản lý và sử dụng linh hoạt nguồn nhân lực.

Dược tác động của cách mạng khoa học công nghệ, việc áp dụng rộng rãi tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất làm cho số người dôi ra và phải đổi nghề ngày càng nhiều hơn. Quá trình đó đồng thời còn làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế không còn đi đôi với sự tăng trưởng về việc làm. Tình hình đó đặt ra những thách thức trực tiếp trong quá trình sử dụng nguồn nhân lực. Một mặt, phải nâng cao hiệu quả hoạt động của từng cá nhân và toàn xã hội trên cơ sở nâng cao trình độ học vấn và chuyên môn nghề nghiệp, mặt khác, phải giảm đến mức tối thiểu số người thất nghiệp hoặc không có việc làm trong toàn bộ nền kinh tế. Do vậy, chỉ có trên cơ sở áp dụng các hình thức, biện pháp tổ chức và quản lý lao động linh hoạt mới có thể vượt qua được thách thức ấy.

Thứ năm, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực là một xu hướng phổ biến trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ hiện nay.

Với sự phát triển của công nghệ mới, cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện nay đang tạo ra sự phát triển mới của quá trình sản xuất. Xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá, toàn cầu hoá đang trở thành xu hướng chủ đạo. Sự xuất hiện của các Công ty xuyên quốc gia đã làm cho sự phân công và hiệp tác lao động ngày càng phát triển từ quy mô Xí nghiệp đến tập đoàn, từ quy mô quốc gia đến liên quốc gia, đa quốc gia ... Điều đó đang làm xuất hiện nhu cầu và khả năng thực hiện các hình thức hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực.

2. Quan hệ sản xuất:

Quan hệ sản xuất xã hội là quan hệ kinh tế giữa người với người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội: sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng. Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ kinh tế – xã hội và quan hệ kinh tế tổ chức.

Quan hệ kinh tế – xã hội biểu hiện hình thức xã hội của sản xuất, nó biểu hiện mối quan hệ giữa người với người trên ba mặt chủ yếu:

Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm, trong đó quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất giữ vai trò quyết định.

Quan hệ kinh tế tổ chức xuất hiện trong quá trình tổ chức sản xuất. Nó vừa biểu hiện quan hệ giữa người với người, vừa biểu hiện trạng thái tự nhiên kỹ thuật của nền sản xuất. Quan hệ kinh tế – tổ chức phản ánh trình độ phân công lao động xã hội, chuyên môn hoá và hiệp tác hoá sản xuất. Nó do tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quy định.

Sự thống nhất và tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội hợp thành phương thức sản xuất. Trong sự thống nhất biện chứng này, sự phát triển của lực lượng sản xuất đóng vai trò quyết định đối với quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất phải phụ thuộc với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất thường xuyên vận động, phát

triển, nên quan hệ sản xuất cũng luôn luôn thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất.

Sự tác động ngược lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất diễn ra theo hai hướng, hoặc là thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trong trường hợp quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì nó sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Ngược lại, quan hệ sản xuất lạc hậu sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngay cả trong trường hợp quan hệ sản xuất đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì nó cũng kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Mỗi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất làm hình thành quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đây là quy luật kinh tế chung của mọi phương thức sản xuất xã hội.

Quy luật kinh tế đó chi phối lịch sử phát triển của các phương thức sản xuất xã hội, đồng thời cũng trực tiếp tác động tới sự vận động của mỗi phương thức sản xuất.

Lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội là lịch sử phát triển của những phương thức sản xuất kế tiếp nhau từ thấp đến cao: phương thức sản xuất cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

3. Quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

- Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất: Xu hướng của sản xuất vật chất là không ngừng phát triển, sự biến đổi bao giờ cũng bắt đầu bằng sự biến đổi của lực lượng sản xuất.

Trong quá trình sản xuất, để lao động bớt nặng nhọc và đạt hiệu quả hơn con người luôn luôn tìm cách cải tiến công cụ lao động và chế tạo ra những công cụ lao động tinh xảo hơn. Cùng với sự biến đổi và phát triển của công cụ lao

động thì kinh nghiệm sản xuất, thói quen lao động kỹ năng sản xuất kiến thức khoa học của con người cũng tiến bộ. Lực lượng sản xuất trở thành yếu tố đồng nhất, cách mạng nhất. Còn quan hệ sản xuất là yếu tố ổn định, có khuynh hướng lạc hậu hơn sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất là nội dung là phương thức còn quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của nó. Trong mỗi quan hệ giữa nội dung và hình thức thì nội dung quyết định hình thức, hình thức phụ thuộc vào nội dung, nội dung thay đổi trước sau đó hình thức thay đổi theo, tất nhiên trong quan hệ với nội dung và hình thức không phải là mặt thụ động, nó cũng tác động trở lại đối với sự phát triển của nội dung.

Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất quan hệ sản xuất cũng hình thành và biến đổi cho phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sự phù hợp đó là động lực làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Nhưng lực lượng sản xuất thường phát triển nhanh còn quan hệ sản xuất có xu hướng ổn định khi lực lượng sản xuất đã phát triển lên một trình độ mới, quan hệ sản xuất không còn phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

- Quan hệ sản xuất tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất: Sự hình thành, biến đổi phát triển của quan hệ sản xuất là hình thức xã hội mà lực lượng sản xuất dựa vào đó để phát triển, nó tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nó thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh. Nếu nó không phù hợp nó kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, song tác dụng kìm hãm đó chỉ tạm thời theo tính tất yếu khách quan, cuối cùng nó sẽ bị thay thế bằng kiểu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất.

Sở dĩ quan hệ sản xuất có thể tác động mạnh mẽ trở lại đối với lực lượng sản xuất (thúc đẩy hoặc kìm hãm), vì nó quy định mục đích của sản xuất, quy định hệ thống tổ chức quản lý sản xuất và quản lý xã hội, quy định phương thức phân phối và phần của cải ít hay nhiều mà người lao động được hưởng. Do đó

nó ảnh hưởng đến thái độ quảng đại quần chúng lao động lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội, nó tạo ra những điều kiện kích thích hoặc hạn chế việc cải tiến công cụ lao động áp dụng những thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, hợp tác và phân phối lao động.

Tuy nhiên, không được hiểu một cách đơn giản tính tích cực của quan hệ sản xuất chỉ là vai trò của những hình thức sở hữu, mỗi kiểu quan hệ sản xuất là một hệ thống một chỉnh thể hữu cơ gồm ba mặt, quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối. Chỉ trong chỉnh thể đó, quan hệ sản xuất mới trở thành động lực thúc đẩy con người hành động nhằm phát triển sản xuất.

Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật chung nhất của sự phát triển xã hội sự tác động của quy luật này đã đưa xã hội loại người trải qua các phương thức sản xuất, công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa.

Thời kỳ đầu trong lịch sử là xã hội cộng sản nguyên thủy với lực lượng sản xuất thấp kém, quan hệ sản xuất cộng đồng nguyên thủy đời sống của họ chủ yếu thuộc vào săn bắt hái lượm.

Trong quá trình sinh sống họ đã không ngừng cải tiến và thay đổi công cụ (lực lượng sản xuất) đến sau một thời kỳ lực lượng sản xuất phát triển quan hệ cộng đồng bị phá vỡ dần dần xuất hiện hệ tư nhân nhường chỗ cho nó là một xã hội chiếm hữu nô lệ. Với quan hệ sản xuất chạy theo sản phẩm thặng dư, chủ nô muốn có nhiều sản phẩm dẫn đến bóc lột, đưa ra công cụ lao động tốt, tinh xảo vào sản xuất, những người lao động trong thời kỳ này bị đối xử hết sức man rợ. Họ là những món hàng trao đổi lại, họ làm tương do những công cụ lao động dẫn đến cuộc sống khổ cực của mình nên họ đã phá hoại lực lượng sản xuất, những cuộc khởi nghĩa nô lệ diễn ra khắp nơi.

Chấm dứt chế độ xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến ra đời, xã hội mới ra đời giai cấp thời kỳ này là địa chủ, thời kỳ đầu giai cấp địa chủ nới lỏng hơn chế độ trước, người nông dân có ruộng đất, tự do thân thể.

Cuối thời kỳ phong kiến xuất hiện công trường thủ công ra đời và dẫn tới lực lượng sản xuất mâu thuẫn với quan hệ sản xuất, cuộc cách mạng tư sản ra đời chế độ tư bản thời kỳ này chạy theo giá trị thặng dư và lợi nhuận họ đưa ra những kỹ thuật mới những công cụ sản xuất hiện đại áp dụng vào sản xuất thời kỳ này lực lượng sản xuất mang tính chất cực kỳ hoá cao và quan hệ sản xuất là quan hệ sản xuất tư nhân về tư liệu sản xuất nên dẫn tới cuộc đấu tranh gay gắt giữa tư sản và vô sản nổ ra xuất hiện một số nước chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội ra đời quan tâm đến xã hội hoá công hữu nhưng trên thực tế chủ nghĩa xã hội ra đời ở các nước chưa qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa chỉ có Liên Xô là qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa nhưng chỉ là chủ nghĩa tư bản trung bình.

Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật vận dụng phát triển của xã hội sự tác động qua sự thay thế kế tiếp nhau từ thấp đến cao của phương thức sản xuất.

- Mỗi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất: Khi trình độ lực lượng sản xuất còn thủ công thì tính chất của nó là tính chất cá nhân. Nó thể hiện ở chỗ chỉ một người có thể sử dụng được nhiều công cụ khác nhau trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm. Như vậy, tất yếu dẫn đến quan hệ sản xuất sở hữu tư nhân (nhiều hình thức) về tư liệu sản xuất.

Khi sản xuất bằng máy ra đời, trình độ lực lượng sản xuất công nghiệp một người không thể sử dụng được nhiều mà chỉ một công cụ, hoặc một bộ phận, chức năng. Như vậy, quá trình sản xuất phải nhiều người tham gia, sản phẩm lao động là thành quả của nhiều người, ở đây lực lượng sản xuất đã mang tính xã hội hoá. Và tất yếu một quan hệ sản xuất thích hợp phải là quan hệ sản xuất sở hữu về tư liệu sản xuất. Ăngghen viết: “Giai cấp tư sản không thể biến tư liệu sản xuất có tính chất hạn chế ấy thành lực lượng sản xuất mạnh mẽ được nếu không biến những tư liệu sản xuất của cá nhân thành những tư liệu sản xuất có tính chất xã hội mà chỉ một số người cùng làm mới có thể sử dụng được”.

Quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất biểu hiện ở chỗ:

Xu hướng của sản xuất vật chất là không ngừng biến đổi phát triển. sự biến đổi đó bao giờ cũng bắt đầu bằng sự biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất mà trước hết là công cụ. Công cụ phát triển đến mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất có và xuất hiện đòi hỏi khách quan phải xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ thay bằng quan hệ sản xuất mới. Như vậy, quan hệ sản xuất vốn là hình thức phát triển của lực lượng sản xuất (ổn định tương đối), quan hệ sản xuất trở thành xiềng xích kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất (không phù hợp). Phù hợp và không phù hợp là biểu hiện của mâu thuẫn biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, tức là sự phù hợp trong mâu thuẫn và bao hàm mâu thuẫn.

Khi phù hợp cũng như lúc không phù hợp với lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất luôn có tính độc lập tương đối với lực lượng sản xuất, thể hiện trong sử dụng sự tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất, quy định mục đích xã hội của sản xuất, xu hướng phát triển của quan hệ lợi ích, từ đó hình thành những yếu tố hoặc thúc đẩy, hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Sự tác động trở lại nói trên của quan hệ sản xuất bao giờ cũng thông qua các quy luật kinh tế cơ bản phù hợp và không phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là khách quan và phổ biến của mọi phương thức sản xuất. Sẽ không đúng nếu quan niệm trong chủ nghĩa tư bản luôn luôn diễn ra “không phù hợp”, còn dưới chủ nghĩa xã hội “phù hợp” giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất.

II. QUAN HỆ SẢN XUẤT VÀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LỆ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA VÀ NHỮNG MÂU THUẤN CÒN TỒN TẠI.

- Những sai lầm về quy luật quan hệ sản xuất – lực lượng sản xuất trước kia:

Do nhận thức chưa đúng đắn về mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới chúng ta đã ra sức vận động gần như cưỡng bức nông dân đi vào hợp tác xã, mở rộng phát triển quy mô nông trường quốc doanh,

các nhà máy Xi nghiệp lớn mà không tính đến trình độ lực lượng sản xuất đang còn thời kỳ quá thấp kém chúng ta đã tạo ra những quy mô lớn và ngộ nhận là đã có “Quan hệ sản xuất XHCN” và còn nói rằng: mỗi bước cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới đều thúc đẩy sự ra đời và lớn mạnh của lực lượng sản xuất mới. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa có khả năng “vượt trước” “mở đường” cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Thực tế nhiều năm qua đã chứng minh quan điểm đó là sai lầm. Sai lầm chủ yếu không phải chỗ chúng ta duy trì quan hệ sản xuất lạc hậu so với sự phát triển của lực lượng sản xuất như người ta thường nói mà chủ yếu có những mặt của quan hệ sản xuất bị thúc đẩy lên quá cao, quá xa một cách giả tạo làm cho nó tách rời với trình độ thấp kém của lực lượng sản xuất. Bởi vậy, nhận định trong đại hội lần thứ 6 là có căn cứ đã làm phong phú thêm lý luận biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất “Lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”.

Để chứng minh cho “Quan niệm sản xuất đi trước” hoặc nói theo cách thời bấy giờ là để giải quyết mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tiên tiến với lực lượng sản xuất lạc hậu chúng ta đã ra sức xây dựng lực lượng sản xuất một cách khẩn trương bằng cách đưa khá nhiều máy móc vào các cơ sở sản xuất Nông nghiệp mới hình thành còn non yếu, què quặt nhằm xây dựng mô hình lâu dài công – Nông nghiệp trên địa bàn cấp huyện mà không tính đến khả năng quản lý trình độ, tổ chức sử dụng của nông dân.

Quan điểm về quan hệ sản xuất đi trước là không đúng và nói đến quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là nhấn mạnh việc xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và cơ chế thực hiện chế độ đó là phiến diện. Đành rằng yếu tố này cơ bản nhưng không thể xem xét nhẹ quan hệ quản lý và quan hệ phân phối. Phải thấy rằng quan hệ sở hữu được thể hiện trong tất cả việc xoá bỏ chế độ tư hữu, thiết lập công hữu về tư liệu sản xuất không phải chỉ thời gian ngắn là xong. Nhưng dẫu có làm được thì cũng không phải là mục tiêu trước mắt của

nước ta khi mà chế độ công hữu này chưa thể phù hợp với lực lượng sản xuất hiện có. Hơn nữa những thành phần kinh tế khác có khả năng góp phần làm cho sản xuất phát triển. Một trong những sai lầm cơ bản mà chúng ta đã vấp phải là xoá bỏ quá sớm quan hệ sản xuất TBCN, khi nền kinh tế XHCN của chúng ta chưa còn đủ sức thay thế. Điều đó ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của lực lượng sản xuất và đã làm mất một khả năng tạo ra sản phẩm dồi dào cho xã hội. Cũng vậy, chúng ta xoá sạch tiêu thương khi hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán của ta chưa làm nổi vai trò “người nội trợ cho xã hội” gây nhiều khó khăn ách tắc cho lưu thông hàng hoá và không đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho nhân dân.

- Giải pháp để phát triển lực lượng sản xuất: Cần phải sàng lọc trong lực lượng sản xuất truyền thống những yếu tố nào có giá trị để bổ sung cho việc xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại cần phải kết hợp các yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại, bảo đảm tính phủ định có kế thừa, tiếp thu có chọn lọc cho phép tạo nên một sự phát triển ổn định, bình thường của lực lượng sản xuất tránh được sự “gãy gục” trong tiến trình phát triển nó.

Những tiến bộ to lớn của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay cho phép nước ta có thể tranh thủ vận dụng trực tiếp những thành tựu khoa học – kỹ thuật, nhập khẩu tư liệu sản xuất hiện đại, chuyển giao công nghệ qua liên kết kinh tế và hợp tác kinh tế với nước ngoài. Từ đó chúng ta có thể tạo nên sự kết hợp những tiến bộ về lực lượng sản xuất do đó tiếp thu có chọn lọc từ bên ngoài với những cơ sở vật chất và lực lượng sản xuất vốn có trong nước để đẩy nhanh và rút ngắn thời hạn phát triển lịch sử tự nhiên của lực lượng sản xuất, vươn lên kịp trình độ của thế giới.

Con người tham gia vào quá trình sản xuất vừa với tư cách là sức lao động, vừa với tư cách là con người có ý thức chủ thể của những quan hệ kinh tế. Trình độ văn hoá, trình độ kỹ thuật chuyên môn, ý thức và thái độ của người lao động đối với sản xuất và sản phẩm là những yếu tố quan trọng để sử dụng, khai thác kỹ thuật và tư liệu sản xuất vốn có, để sáng tạo trong quá trình sản xuất Ăngghen đã nhấn mạnh “muốn nâng cao sản xuất công nghiệp và Nông nghiệp

đến mức độ cao mà chỉ có phương tiện cơ giới và hoá học phù hợp thì chưa đủ. Còn cần phải phát triển một cách tương xứng năng lực của con người sử dụng những phương tiện đó nữa” nghĩa là phải có sự phối hợp phát triển hài hoà các nhân tố khách quan của các lực lượng sản xuất hiện đại.

- Quan hệ sản xuất mới theo định hướng XHCN – xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần:

Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất luôn là yêu cầu đặt ra đối với mọi chế độ xã hội. Đối với nước ta đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã khẳng định: “nếu công nghiệp hoá hiện đại hoá tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ mới thì việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp”.

Đảng đã chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là đúng. Bởi vì, nó biểu hiện sự lựa chọn những hình thức, bước đi, giải pháp thích hợp với trạng thái kinh tế hiện nay.

Đường lối đó xuất phát từ trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất nước ta hiện nay vừa thấp không đồng đều nên không thể nóng vội nhất loạt xây dựng quan hệ sản xuất một thành phần dựa trên cơ sở chế độ công hữu XHCN về tư liệu sản xuất như trước đại hội VI. Làm như vậy là đẩy quan hệ sản xuất đi quá xa so với trình độ lực lượng sản xuất. Mở ra nền kinh tế nhiều thành phần đã khơi dậy tiềm năng, của sản xuất, xây dựng năng lực sáng tạo, chủ động của các chủ thể lao động trong sản xuất kinh doanh thúc đẩy sản xuất phát triển.

Thực tiễn mấy năm qua cho thấy, chính sách kinh tế nhiều thành phần đã góp phần giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, đưa đến những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Vì vậy, Đại hội VIII khẳng định: “tiếp tục thực hiện nhất quán lâu dài chính sách này, khuyến khích mọi doanh nghiệp và cá nhân trong nước khai thác tiềm năng ra sức đầu tư phát triển... trong khi thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, một mặt cần phải thoát ra khỏi sự trói buộc của tư duy cũ, những nhận thức không đúng trước đây đối với các thành phần kinh tế cá thể, tư bản tư nhân Nhà nước trong quá trình xây dựng chủ nghĩa

xã hội, từ đó không chủ động tháo gỡ những vướng mắc hoặc thiếu sự quản lý hướng dẫn các thành phần này phát triển đúng hướng.

- Đường lối phát triển quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất theo định hướng XHCN:

Quá trình lãnh đạo xây dựng đất nước đi lên CNXH Đảng ta đã rút ra những kinh nghiệm bổ ích và xác định rằng: một trong những nguyên nhân làm cho sản xuất chậm phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn là “không nắm vững quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”. Từ đó Đảng đã rút ra cốt lõi để đẩy mạnh việc vận dụng quy luật bằng cách nêu vấn đề gắn liền với cách mạng quan hệ sản xuất với cách mạng khoa học kỹ thuật, chú trọng việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội để xác định những hình thức và bước thích hợp.

Đảng nhận thức rằng: sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất không bao giờ là sự phù hợp tuyệt đối, không có mâu thuẫn, không thay đổi. Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất không bao giờ là sự phù hợp chung mà bao giờ cũng tồn tại dưới những hình thức cụ thể, thích ứng với những đặc điểm nhất định với trình độ nào đó của lực lượng sản xuất. Trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, nền kinh tế không còn là nền kinh tế tư bản, nhưng cũng chưa hoàn toàn là nền kinh tế XHCN. Bởi vậy công cuộc cải tạo XHCN phải chú ý đến đặc điểm của sự tồn tại khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần. Trong cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới, đại hội VI đã nhấn mạnh là phải giải quyết đồng bộ ba mặt, xây dựng chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối, không chỉ nhấn mạnh việc xây dựng chế độ công hữu, coi đó là cái duy nhất để xây dựng quan hệ sản xuất mới. Thực tế chỉ rõ, nếu chế quản lý và phân phối không được xác lập theo nguyên tắc của CNXH và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nhằm củng cố chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mà còn cản trở lực lượng sản xuất phát triển.

Trong công cuộc đổi mới đất nước phải tuân thủ quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hiện có để xác định bước đi và những hình thức thích hợp. Quy luật đó luôn được coi là tư tưởng chỉ đạo công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng

quan hệ sản xuất mới trên những điều kiện phát triển của lực lượng sản xuất. Đại hội VI chỉ rõ “đảm bảo sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất luôn luôn kết hợp chặt chẽ tạo quan hệ sản xuất với tổ chức và phát triển sản xuất”, không nên nóng vội duy ý chí trong việc xác định trật tự bước đi cũng như việc lựa chọn các hình thức kinh tế cần phải cải tạo nền sản xuất nhỏ, cá thể để đưa nền sản xuất từng bước và đồng bộ. Rà soát lại quá trình cải tạo XHCN trong thời gian qua Đảng ta đã đưa ra kết luận: “Theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quá trình cải tạo XHCN phải có bước đi và hình thức thích hợp” “Phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, trong mỗi bước đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật tạo ra lực lượng sản xuất mới trên cơ sở đó tiếp tục đưa quan hệ sản xuất lên hình thức và quy mô thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển”.

KẾT LUẬN

Lịch sử phát triển của xã hội loài người là lịch sử thay đổi các phương thức sản xuất, sự thay đổi bắt đầu từ sự thay đổi lực lượng sản xuất, lực lượng sản xuất là nội dung, là quá trình sản xuất, quan hệ sản xuất là hình thức của quá trình sản xuất, hình thức của sản xuất bao giờ cũng ổn định hơn. Song sự ổn định đó cũng chỉ là tạm thời và sớm muộn cũng phải thay đổi cho phù hợp. Quan hệ sản xuất ra đời từ lực lượng sản xuất, nhưng khi ra đời nó có vai trò tác động trở lại tích cực. Quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, còn ngược lại nó sẽ kìm hãm sự phát triển đó. Trong thời đại công nghiệp hoá hiện đại hoá với nền kinh tế nhiều thành phần thì cần phải có sự phát triển cân đối giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất của nước ta đông đảo, tuy nhiên lại chưa nắm bắt được hết các thành tựu của khoa học kỹ thuật, sự vận dụng vào thực tế còn hạn chế. Trong tương lai phải có chính sách đào tạo phù hợp nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên, quan hệ sản xuất cũng cần phát triển để tương lai phải có chính sách đào tạo phù hợp nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Quan hệ sản xuất cũng cần phải phát triển để tương xứng với lực lượng sản xuất. Quy luật quan hệ sản xuất – sản xuất lực lượng sản xuất là quy luật phổ biến của mọi hình thái kinh tế xã hội, vạch ra tính chất phụ thuộc khách quan của quan hệ sản xuất vào sự phát triển của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất lại tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất. Đại hội IX tiếp tục chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, khơi dậy tiềm năng của sản xuất, xây dựng năng lực sáng tạo, thúc đẩy sản xuất phát triển.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình triết học Mác – LêNin
2. Tạp chí triết học số 1-1993
3. Tạp chí triết học số 3-4997
4. Tạp chí triết học số 5-2000
5. Tạp chí triết học số 1-2001
6. Tài liệu nghiên cứu văn kiện đại hội VI của Đảng
7. Tài liệu nghiên cứu văn kiện đại hội VIII của Đảng
8. Tài liệu nghiên cứu văn kiện đại hội IX của Đảng
9. Thực trạng quan hệ sản xuất ở Việt Nam

MỤC LỤC

A. Đặt vấn đề	1
B. Giải quyết vấn đề	4
I. Cơ sở lý luận cho việc phân tích mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.	4
1. <i>Lực lượng sản xuất</i>	3
2. <i>Quan hệ sản xuất</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
3. <i>Quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</i>	8
II. Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ lệ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và những mâu thuẫn còn tồn tại.....	12
Kết luận.....	18
Danh mục tài liệu tham khảo.....	19